

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI NGỌC TOÀN

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI NGỌC TOÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC TOAN TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110865221

3. Ngày thành lập: 17/10/2024

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3, Phố Dương Khuê, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0565332888

Fax:

Email: innhanhngoctoan@gmail.com Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                       | 1701        |
| 2.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                  | 1702        |
| 3.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                     | 1709        |
| 4.  | In ấn<br>Chi tiết: Hoạt động của cơ sở in                                            | 1811(Chính) |
| 5.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Loại trừ: Các hoạt động đồ họa khác như rập khuôn tem)  | 1812        |
| 6.  | Sao chép bản ghi các loại                                                            | 1820        |
| 7.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                         | 2592        |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                           | 3312        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                               | 3314        |
| 10. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                              | 3320        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                    | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                              | 4102        |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                       | 4330        |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)          | 4610        |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                 | 4641        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Loại trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế) | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                  | 4651        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                   | 4652        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                          | 4659 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ các mặt hàng nhà nước cấm)                                                                               | 4669 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ các mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                               | 4690 |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 25. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                  | 4774 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ: Hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)                                                            | 4791 |
| 31. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                    | 4799 |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 33. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 34. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 35. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Loại trừ: Quán rượu, karaoke, quầy bar)                                                                                                     | 5630 |
| 37. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201 |
| 38. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209 |
| 40. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                              | 6810 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Loại trừ: Đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất) | 6820 |
| 42. | Quảng cáo<br>(Loại trừ: Quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 43. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                | 7320 |
| 44. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 45. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Loại trừ: Hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                       | 7420 |
| 46. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                | 7710 |
| 47. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                        | 7730 |
| 48. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                              | 8219 |
| 49. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ: Tổ chức họp báo)                                                                                                                                                              | 8230 |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ: - Hoạt động đấu giá độc lập;<br>- Dịch vụ lấy lại tài sản;<br>- Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tởc ký)                                         | 8299 |
| 51. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                             | 9511 |
| 52. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                            | 9512 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ NGỌC TOẢN**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **29/11/1994**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **026094005115**

Ngày cấp: **05/04/2021**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Kiên Tràng, Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Kiên Tràng, Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam**

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ NGỌC TOÀN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/11/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *026094005115*

Ngày cấp: *05/04/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Kiên Tràng, Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Kiên Tràng, Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*